

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM

Mã số thuế: 0301874259



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **Quý 02 Năm 2022**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Ngày 27 tháng 07 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9 -10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.112.343.460.947	2.430.451.915.331
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	641.524.997.354
111	1. Tiền		450.927.179.866
112	2. Các khoản tương đương tiền		190.597.817.488
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		663.553.473.178
121	1. Chứng khoán kinh doanh	V.2a	178.826.173.178
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	V.2a	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2b	484.727.300.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		730.869.503.830
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3a	422.661.623.570
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4a	66.821.523.434
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	V.5	-
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.6a	-
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.7a	246.720.554.037
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.8	(5.576.628.460)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý	V.9	242.431.249
140	IV. Hàng tồn kho		17.681.573.947
141	1. Hàng tồn kho	V.10	17.681.573.947
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	V.10	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		58.713.912.638
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.11a	14.213.336.313
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		44.370.676.310
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.25	117.563.425
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	V.12	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác	V.13a	12.336.590

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9 -10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.588.766.971.475	3.303.632.049.425
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		11.365.075.253	11.560.780.833
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	V.3b	-	
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	V.4b	-	
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn		-	
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn	V.6b	-	
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.7b	11.365.075.253	11.560.780.833
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	V.8	-	
220	II. Tài sản cố định		1.200.605.206.420	1.098.714.384.569
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.14	1.037.707.136.885	988.090.064.585
222	- Nguyên giá		1.624.453.907.475	1.562.183.136.732
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(586.746.770.590)	(574.093.072.147)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.15	19.227.469.149	20.781.135.507
225	- Nguyên giá		27.035.271.522	27.035.271.522
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.807.802.373)	(6.254.136.015)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.16	143.670.600.386	89.843.184.477
228	- Nguyên giá		162.646.750.333	108.360.832.663
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.976.149.947)	(18.517.648.186)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.17	66.333.270.767	46.892.345.012
231	- Nguyên giá		121.938.337.704	85.949.359.948
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(55.605.066.937)	(39.057.014.936)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		12.549.943.758	94.511.111.882
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	V.18	-	
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.19	12.549.943.758	94.511.111.882
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		2.219.026.636.630	1.975.815.767.050
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.2c	2.188.918.704.233	1.937.075.080.607
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.2d	12.243.032.397	11.540.486.443
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	V.2d	-	
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2b	17.864.900.000	27.200.200.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		78.886.838.648	76.137.660.079
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11b	41.350.813.579	35.450.344.321
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.20	-	
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	V.21	-	
268	4. Tài sản dài hạn khác	V.13b	-	
269	5. Lợi thế thương mại	V.22	37.536.025.069	40.687.315.758
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.701.110.432.422	5.734.083.964.756

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9 -10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.828.846.523.454	2.244.168.104.894
310	I. Nợ ngắn hạn		1.241.328.157.622	1.643.209.181.351
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.23a,c	256.136.618.032	424.265.596.266
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.24a	32.690.433.687	3.763.384.194
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.25	59.061.349.528	36.152.355.167
314	4. Phải trả người lao động	V.26	28.955.448.676	37.042.448.873
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.27a	54.594.394.784	32.100.664.891
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	V.28	-	-
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.29a,c	550.827.223	535.945.291
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.30a,c	344.018.454.588	344.346.107.841
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.31a,c	424.617.023.955	716.762.034.731
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.32a	-	-
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.33	40.703.607.149	48.240.644.097
323	13. Quỹ bình ổn giá	V.34	-	-
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	V.35	-	-
330	II. Nợ dài hạn		587.518.365.832	600.958.923.543
331	1. Phải trả người bán dài hạn	V.23b,c	-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.24b	-	-
333	3. Chi phí phải trả dài hạn	V.27b	-	-
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		-	-
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn		-	-
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.29b,c	-	-
337	7. Phải trả dài hạn khác	V.30b,c	26.524.754.331	17.694.328.319
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.31b,c	560.993.611.501	583.264.595.224
339	9. Trái phiếu chuyển đổi	V.36	-	-
340	10. Cổ phiếu ưu đãi	V.37	-	-
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	V.38	-	-
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn	V.32b	-	-
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	V.39	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9 -10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

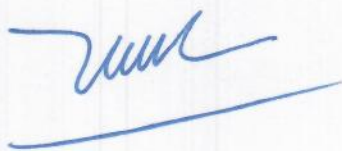
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.872.263.908.968	3.489.815.859.862
410 I. Vốn chủ sở hữu		3.872.263.908.968	3.489.915.859.862
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.40	1.058.715.480.000	1.058.715.480.000
411a -Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.058.715.480.000	1.058.715.480.000
411b -Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412 2. Thặng dư vốn cổ phần	V.40	717.444.996.528	716.705.756.123
413 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	V.36, 40	-	-
414 4. Vốn khác của chủ sở hữu	V.40	10.364.976.495	9.959.446.608
415 5. Cổ phiếu quỹ	V.40	(191.323.900)	(189.990.900)
416 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	V.40	-	-
417 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	V.40	-	-
418 8. Quỹ đầu tư phát triển	V.40	155.441.413.408	154.721.919.506
419 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	V.40	-	-
420 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	V.40	-	-
421 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	V.40	1.594.559.723.395	1.165.728.934.021
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			
421a lũy kế đến cuối kỳ trước		1.202.629.720.587	595.114.514.960
421b - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		391.930.002.808	570.614.419.061
422 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	V.40	-	-
429 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	V.41	335.928.643.042	384.274.314.504
430 II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
431 1. Nguồn kinh phí	V.42	-	-
432 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	V.43	-	-
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.701.110.432.422	5.734.083.964.756

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2022



Nguyễn Thanh Tùng
Người lập biểu



Nguyễn Hồng Kim Chi
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9 -10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

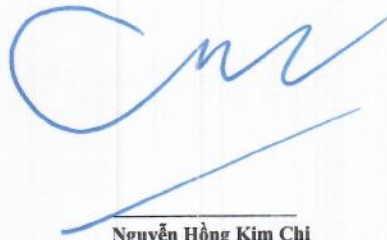
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	Thuyết minh	Quý 02		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	668.728.860.661	1.419.967.055.203	2.337.798.358.394	2.506.600.149.106
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.997.952.143)	(560.058.582)	(3.065.313.531)	(2.564.665.302)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	666.730.908.518	1.419.406.996.621	2.334.733.044.863	2.504.035.483.804
11	4. Giá vốn hàng bán	(550.341.761.676)	(1.302.477.743.765)	(2.071.695.431.062)	(2.274.542.649.624)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	116.389.146.842	116.929.252.856	263.037.613.801	229.492.834.180
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	78.289.058.680	22.406.289.198	143.593.266.851	31.224.162.496
22	7. Chi phí tài chính	(35.777.790.525)	(15.257.682.139)	(73.851.382.564)	(29.862.987.840)
23	Trong đó: chi phí lãi vay	(13.223.427.042)	(9.564.112.284)	(29.642.920.597)	(22.767.707.445)
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	90.461.648.949	60.607.845.990	250.889.072.923	104.734.908.110
25	9. Chi phí bán hàng	(7.954.487.968)	(12.358.600.769)	(19.532.360.869)	(18.002.186.934)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(47.376.515.339)	(30.900.399.450)	(84.741.620.141)	(61.936.693.045)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	194.031.060.639	141.426.705.686	479.394.590.001	255.650.036.967
31	12. Thu nhập khác	531.341.163	3.363.402.616	8.963.401.556	5.054.211.712
32	13. Chi phí khác	(304.362.638)	(909.964.369)	(1.291.740.597)	(1.044.222.904)
40	14. Lợi nhuận khác	226.978.525	2.453.438.247	7.671.660.959	4.009.988.808
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	194.258.039.164	143.880.143.933	487.066.250.960	259.660.025.775
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(23.575.166.741)	(17.689.066.461)	(54.099.096.443)	(32.264.252.163)
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	170.682.872.423	126.191.077.472	432.967.154.517	227.395.773.612
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	166.896.237.519	116.102.726.492	414.309.249.095	215.432.564.317
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	3.786.634.905	10.088.350.979	18.657.905.422	11.963.209.295
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.712	1.347	4.342	2.300
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.712	1.347	4.342	2.300

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2022


Nguyễn Thanh Tùng
Người lập biểu

Nguyễn Hồng Kim Chi
Kế toán trưởngLê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9 -10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
		Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 30 tháng 06 năm 2021
I.	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	487.066.250.960	259.660.025.775
	2. Điều chỉnh cho các khoản:		
02	- Khấu hao tài sản cố định	52.517.294.653	52.920.112.392
03	- Các khoản dự phòng	1.116.215.113	1.583.047.033
	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	37.420.020.851	(9.458.976.448)
04	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(409.238.689.604)	(115.420.924.679)
05	Chi phí lãi vay	(12.696.920.591)	26.291.187.741
06	Các khoản điều chỉnh khác	(50.000.000)	
07	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	156.134.171.382	215.574.471.814
08	Tăng, giảm các khoản phải thu	455.611.360.976	(221.363.612.794)
09	Tăng, giảm hàng tồn kho	(8.765.163.526)	(50.793.426.979)
10	Tăng, giảm các khoản phải trả	(216.406.393.157)	193.680.225.407
11	Tăng, giảm chi phí trả trước	(3.592.476.227)	2.109.449.834
12	Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	(126.893.767.707)	(99.780.724)
13	Tiền lãi vay đã trả	(34.179.371.440)	(20.059.621.287)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	33.539.267.380	(18.648.086.830)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11.268.412.306	
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(15.125.985.461)	(7.623.391.312)
17			
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	251.590.054.526	92.776.227.129
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(123.235.357.749)	(69.372.035.660)
21	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	739.368.926	206.895.454
22	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(756.502.000.000)	(204.753.700.000)
23	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	399.460.507.945	203.822.500.000
24	5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	(218.157.244.570)	(31.374.372.592)
25	6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	128.918.261.447	
26	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	61.674.262.136	17.399.416.085
27			
30	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	(507.102.201.865)	(84.071.296.713)

Cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

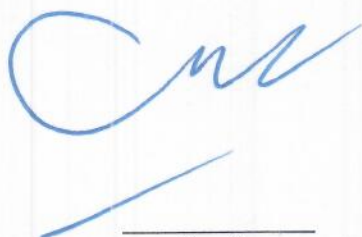
Cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06	Ngày 30 tháng 06
		năm 2022	năm 2021
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	189.000.000.000	76.625.000.000
32	2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
33	3. Thu tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	584.088.442.145	1.070.067.075.478
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(946.083.254.337)	(1.050.615.770.661)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	4.206.196.388	(3.853.415.829)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(7.801.864.080)	(2.751.260.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(176.590.479.884)	89.471.628.988
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(432.102.627.223)	98.176.559.404
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	1.073.681.032.249	460.731.977.838
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(53.407.672)	(529.526.366)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	641.524.997.354	558.379.010.876

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2022



Nguyễn Thanh Tùng
 Người lập biểu



Nguyễn Hồng Kim Chi
 Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty cổ phần Transimex bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Transimex (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Transimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là: Đại lý giao nhận và vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng bằng đường biển, đường hàng không và đường bộ; Dịch vụ kho ngoại quan, kho CFS, kho ICD; Kinh doanh kho bãi, xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa xuất nhập khẩu trung chuyển; Dịch vụ giao, nhận hàng hóa, làm thủ tục hải quan; Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải cho tàu biển trong và ngoài nước; Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa qua Campuchia, Lào, Trung Quốc; Dịch vụ đóng gói và kê ký mã hiệu hàng hóa cho nhà sản xuất trong nước và nước ngoài ủy thác; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Dịch vụ cho thuê văn phòng; Chuyên phát.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Tại 30/06/2022	Số đầu năm	Tại 30/06/2022	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Transimex Logistics	7/1 ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải	75,48%	75,48%	75,48%	75,48%
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex	172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ cho thuê văn phòng	100%	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Tại 30/06/2022	Số đầu năm	Tại 30/06/2022	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex	Đường số 23, khu công nghiệp Sóng Thần 2, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	Dịch vụ kho bãi	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ Phần Transimex Hi Tech Logistics	Lô BT, đường D2, Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ kho bãi	99%	100%	99%	100%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	Thôn Bưởi, Xã Dị Sử, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên	Dịch vụ	73,16%	72,38%	72,38%	72,38%
Công ty Cổ phần Vinafreight	Lầu 1, Block C, Tòa nhà Văn phòng Waseco, số 10 Phố Quang, phường 02, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Giao nhận vận tải quốc tế	57,11%	54,28%	57,11%	54,26%
Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc	Một phần lô I.9, đường số 5, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ logistics	67,92%	67,78%	67,92%	67,78%
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế	39B Trường Sơn, lầu 11, tòa nhà Hải Âu, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải hàng hóa.	48,83%	48,83%	90,00%	90,00%
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con đường Việt	Lầu 1, Block C, Tòa nhà Văn phòng Waseco, số 10 Phố Quang, phường 02, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải hàng hóa; Đại lý bán vé máy bay.	48,83%	48,83%	94,90%	94,90%
Công ty TNHH Hậu cần Toàn cầu SFS Việt Nam	Lầu 1, Block C, Tòa nhà Văn phòng Waseco, số 10 Phố Quang, phường 02, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ giao nhận hàng hóa	54,26%	54,26%	54,26%	54,26%
Công Ty TNHH MTV Đầu Tư Long An	Lô E2-E3, Đường VL7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Dịch vụ kho bãi	100%	100%	100%	
Công Ty TNHH ECPVN Bình Dương 1	Thửa số 1811, tờ bản đồ số 11, Đường 23, KCN Sóng Thần 2, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, VN	Dịch vụ kho bãi	100%	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Tại 30/06/2022	Số đầu năm	Tại 30/06/2022	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	184 Trần Phú, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Dịch vụ vận tải hàng hóa	37,93%		50,68%	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (TJC)	Tòa nhà Thành Đạt, số 3 Lê Thánh Tông, phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	Dịch vụ và Kinh doanh thương mại	49.51%	32,98%	49.51%	32.98%

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Tại 30/06/2022	Số đầu năm	Tại 30/06/2022	Số đầu năm
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, Tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP. Hải Phòng	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn	631-633 Nguyễn Trãi, phường 11, quận 5, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại và dịch vụ	30,25%	35,02%	30,25%	35,02%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT)	Số 2 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, TP. Hà Nội	Giao nhận vận chuyển và các dịch vụ logistics khác	34,04%	31,40%	34,04%	31,40%
Công ty Cổ phần điện Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc	Quốc lộ 1, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Sản xuất và kinh doanh	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Cảng Mipéc	Bán đảo Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP. Hải Phòng	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	25%	25%	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản (Seaspimex)	51/14 Hòa Bình, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, TP.HCM	Sản xuất và thương mại	20%	20%	20%	20%
Công Ty TNHH Nippon Express(Việt Nam) “Nippon”	364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, TP.HCM	Dịch vụ Logistics	50%	50%	50%	50%

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5d. Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ có cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu là Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam có trụ sở chính tại 364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam là dịch vụ logistics. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam là 50% (số đầu năm là 50%).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2022 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 so sánh được với số liệu tương ứng của cùng kỳ năm trước.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 1.430 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.396 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. **Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm các chi phí trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn và được sử dụng trên một năm;
- Tiền thuê đất trả trước;
- Chi phí bảo hiểm;
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng; và

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn. Các công cụ, dụng cụ có thời gian phân bổ từ 1 năm trở lên và không quá 3 năm được phân loại là chi phí trả trước dài hạn

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

Chi phí thuê văn phòng, kho bãi

Chi phí thuê văn phòng, kho bãi được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

Chi phí cầu đường

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí cầu đường được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

Các chi phí trả trước ngắn hạn khác

Các chi phí trả trước ngắn hạn khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 3 năm.

Thẻ hội viên chơi golf

Chi phí đăng ký thẻ hội viên chơi golf được phân bổ vào quỹ thưởng của Ban điều hành quản lý theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (20 năm).

Các chi phí trả trước dài hạn khác

Các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 3 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 – 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 20 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3-6 năm
Phần mềm máy tính	3-6 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn không phân bổ giá trị quyền sử dụng đất khi quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng lâu dài

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 30 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Tập đoàn trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (32 năm).

Chương trình phần mềm

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Bản quyền, bằng sáng chế

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền tác giả, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh do một bên kiểm soát chia lợi nhuận sau thuế và đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

16. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường bao gồm trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu hoặc trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu không xác định tại ngày đáo hạn (do phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

17. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tập đoàn.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

18. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

19. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết..

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả .

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền	450.927.179.866	847.681.032.249

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản tương đương tiền	190.597.817.488	226.000.000.000
Cộng	641.524.997.354	1.073.681.032.249
2. Các khoản đầu tư tài chính		
Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:		
2a. Đầu tư chứng khoán kinh doanh		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chứng khoán kinh doanh	178.826.173.178	79.646.809.187
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	484.727.300.000	118.152.000.000
2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
- Ngắn hạn: tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 03 tháng tại các ngân hàng, tiền cho vay các tổ chức khác dưới 12 tháng.		
- Dài hạn: Tiền gửi tiết kiệm trên 12 tháng tại các ngân hàng.		
3. Phải thu khách hàng		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	422.661.623.570	742.976.762.065
4. Trả trước cho người bán		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	66.821.523.434	24.141.378.712
5. Các khoản phải thu khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	246.720.554.037	328.746.498.173
6. Hàng tồn kho		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	17.681.573.947	10.230.876.303
7. Chi phí trả trước ngắn hạn		
7a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	14.213.336.313	14.811.550.933
7b. Chi phí trả trước dài hạn		

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	41.350.813.579	35.450.344.321
9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình		
10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư		
11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	12.549.943.758	94.511.111.882
12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
13. Phải trả người bán ngắn hạn	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	256.136.618.032	424.265.596.266
14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	59.061.349.528	36.152.355.167
15. Phải trả người lao động	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	28.955.448.676	37.042.448.873
16. Chi phí phải trả ngắn hạn	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	54.594.394.784	32.100.664.891
17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	344.018.454.588	344.346.107.841
18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	550.827.223	535.945.291
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	40.703.607.149	48.240.644.097
20. Phải trả dài hạn khác Nhận ký quỹ dài hạn.		
21. Vay và nợ thuê tài chính 21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	424.617.023.955	716.762.034.731

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
560.993611.501	583.264.595.224

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

<u>Quý 2 năm 2022</u>	<u>Quý 2 năm 2021</u>
668.728.860.661	1.419.967.055.203

2. Giá vốn hàng bán

<u>Quý 2 năm 2022</u>	<u>Quý 2 năm 2021</u>
550.341.761.676	1.302.477.743.765

3. Doanh thu hoạt động tài chính

<u>Quý 2 năm 2022</u>	<u>Quý 2 năm 2021</u>
78.289.058.680	22.406.289.198

4. Chi phí tài chính

<u>Quý 2 năm 2022</u>	<u>Quý 2 năm 2021</u>
35.777.790.525	15.257.682.139

5. Chi phí bán hàng

<u>Quý 2 năm 2022</u>	<u>Quý 2 năm 2021</u>
7.954.487.968	12.358.600.769

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

<u>Quý 2 năm 2022</u>	<u>Quý 2 năm 2021</u>
47.376.515.339	30.900.399.450

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

<u>Quý 2 năm 2022</u>	<u>Quý 2 năm 2021</u>
<u>531.341.163</u>	<u>3.363.402.616</u>

8. Chi phí khác

<u>Quý 2 năm 2022</u>	<u>Quý 2 năm 2021</u>
<u>304.362.638</u>	<u>909.964.369</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Vinafreight (tên cũ là Công ty cổ phần vận tải ngoại thương)	Công ty con

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Logistics: Giao nhận vận chuyển nội địa và quốc tế, cho thuê kho, khai thác cảng nội địa ICD, ...
- Lĩnh vực cho thuê và quản lý bất động sản: cho thuê tòa nhà và quản lý tòa nhà.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2022



Nguyễn Thanh Tùng
Người lập biểu



Nguyễn Hồng Kim Chi
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc